

Số: 216/2026/QĐST-VDS

Ninh Bình, ngày 10 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

**V/v: Yêu cầu tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức,
chủ hành vi**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – NINH BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Phạm Văn Bang

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Văn Tùng - Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Ninh Bình tham gia phiên
họp:*** Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Ninh Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 138/2026/TLST-VDS ngày 11 tháng 5 năm 2026 về việc “Yêu cầu tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 13/2026/QĐST-VDS ngày 01 tháng 7 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu:*** Anh **Trần Văn N**, sinh ngày 01-10-1970; cư trú tại: **Xóm T, xã G, tỉnh Ninh Bình**; vắng mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ Chị **Trần Thị D**, sinh năm 1982; cư trú tại: **Xóm T, xã G, tỉnh Ninh Bình**; vắng mặt.

+ Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1948; cư trú tại: **Xóm T, xã G, tỉnh Ninh Bình**; vắng mặt.

+ Chị **Trần Thị N1**, sinh năm 1976; cư trú tại: **Xóm H, xã G, tỉnh Ninh Bình**; vắng mặt.

+ Chị **Trần Thị G**, sinh năm 1978; cư trú tại: **Tổ A, phường X, thành phố Hà Nội**; vắng mặt.

+ Anh **Trần Văn V**, sinh năm 1984; cư trú tại: **Xóm T, xã G, tỉnh Ninh Bình**; vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

1. Tại đơn yêu cầu, bản tự khai, người yêu cầu là ông **Trần Văn N** trình bày: Bố mẹ ông là bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1948 và ông **Trần Văn V1**, sinh năm 1950 kết hôn vào năm 1970 (ông **V1** đã chết năm 2021), bố mẹ ông sinh được 05 người con gồm: **Trần Văn N**, sinh năm 1970; **Trần Thị N1**, sinh năm 1967; **Trần Thị G**, sinh năm 1978; **Trần Thị D**, sinh năm 1982, và **Trần Văn V**, sinh năm 1984.

Chị **Trần Thị D**, sinh năm 1982; cư trú tại: **Xóm T, xã G, tỉnh Ninh Bình** chưa có chồng, con. Từ khi sinh ra cho đến năm 2000 sinh sống, sinh hoạt bình thường, có đi học, và không có biểu hiện gì. Đến khoảng cuối năm 2000 thì chị **Trần Thị D** bị ốm và đi điều trị tại viện tỉnh Nam Định, khi điều trị xong thì chị **Trần Thị D** về nhà sinh hoạt lại nói nhiều, hay chửi bới vô cớ mọi người, không tiếp xúc với bất cứ ai, chỉ ở trong nhà, và không kiểm soát được hành vi của mình, sau khi chị **D** có các hiện khác thường, gia đình đã đưa chị **D** đến viện thần tỉnh Nam Định điều trị bệnh tâm thần từ năm 2023 cho đến nay. Hiện nay chị **Trần Thị D** đang được hưởng chế độ người khuyết tật tại địa phương. Gia đình bên nội và bên ngoại trong vòng ba đời của chị **Trần Thị D** không có ai bị mắc bệnh tâm thần kinh.

Về yêu cầu của giải quyết việc dân sự: Do chị **Trần Thị D** không thể tự mình thực hiện được các giao dịch về dân sự, nên tôi yêu cầu tuyên bố chị **Trần Thị D** là người mất năng lực hành vi dân sự.

Về người giám hộ cho chị **Trần Thị D**: Mẹ ông là **Nguyễn Thị T** từ chối là người giám hộ cho chị **Trần Thị D**, và các thành viên trong gia đình cử tôi là **Trần Văn N** là người giám hộ cho chị **Trần Thị D**.

Ngày 13 tháng 5 năm 2026, Toà án nhân dân khu vực 10 – Ninh Bình ra quyết định trưng cầu **V2** giám định: Giám định sức khỏe, bệnh tật và khả năng nhận thức, làm chủ hành vi của chị **Trần Thị D** có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình không.

- Tại bản Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số: 163/KLGD ngày 19/6/2026 của Viện y tâm thần ương, kết luận:

+ Tại thời điểm giám định (hiện tại) đối tượng **Trần Thị D** bị bệnh: Tâm thần phân liệt thể Paranoid (giai đoạn bệnh thuyên giảm); theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 (ICD 10), có mã bệnh là: F20.0.

+ Tại thời điểm trên, đối tượng **Trần Thị D** có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Do tại đơn yêu cầu tuyên bố chị **Trần Thị D** là người mất năng lực hành vi dân sự. Nhưng tại Tại bản Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu kết luận: Tại thời điểm giám định (hiện tại) đối tượng **Trần Thị D** bị bệnh: Tâm thần phân liệt thể Paranoid (giai đoạn bệnh thuyên giảm); theo phân loại bệnh Quốc tế

lần thứ 10 năm 1992 (ICD 10), có mã bệnh là: F20.0; Tại thời điểm trên, đối tượng **Trần Thị D** có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Vì vậy, nay tôi cũng nhất trí với bản kết luận giám định và tôi đề nghị tuyên bố chị **Trần Thị D** là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, và tôi là **Trần Văn N** là người giám hộ cho chị **Trần Thị D**.

2. *Tại bản tự khai của bà Nguyễn Thị T; chị Trần Thị N; chị Trần Thị G và anh Trần Văn V trình bày:* Điều trình bày thống nhất như anh **Trần Văn N** đã trình bày, và nhất trí với yêu cầu của anh **N** yêu cầu Tòa án tuyên bố chị **Trần Thị D** là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, và cử anh **Trần Văn N** là người giám hộ cho chị **Trần Thị D**.

3. *Tại các bản nhận xét của Xóm trưởng và 02 người hàng xóm nơi chị Trần Thị D cư trú nhận xét:* Chị **Trần Thị D** là con của bà **Nguyễn Thị T** và ông **Trần Văn V1**. Về quá trình sinh sống và phát bệnh của chị **Trần Thị D** nhận xét như anh **Trần Văn N** khai.

4. *Trạm y tế xã G nhận xét:* Chị **Trần Thị D** được Bệnh viện thần kinh Nam Định đoán mắc bệnh tâm thần phân liệt thể F20.0 vào tháng 6 năm 2004, Sau đó được chuyển về Trạm y tế xã Giao Nhân điều trị và lĩnh thuốc hàng tháng.

5. Tại bản Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số: 163/KLGD ngày 19/6/2026 của Viện y tâm thần ương, kết luận:

+ Tại thời điểm giám định (hiện tại) đối tượng **Trần Thị D** bị bệnh: Tâm thần phân liệt thể Paranoid (giai đoạn bệnh thuyên giảm); theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 (ICD 10), có mã bệnh là: F20.0.

+ Tại thời điểm trên, đối tượng **Trần Thị D** có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

6. *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Ninh Bình tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:* Đề nghị Tòa án nhân dân nhân dân khu vực 10 - Ninh Bình căn cứ vào Điều 149; Điều 367; Điều 376; Điều 377; Điều 378 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Khoản 1 Điều 23; điểm d khoản 1 Điều 47; Điều 48; Điều 49; Điều 51; Điều 54; Điều 57; Điều 58 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu của anh **Trần Văn N**: Tuyên bố chị **Trần Thị D** có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, và cử anh **Trần Văn N** là người giám hộ cho chị **Trần Thị D** theo quy định của pháp luật. Về lệ phí việc dân sự: Anh **Trần Văn N** là người yêu cầu nên phải nộp tiền lệ phí việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Ninh Bình nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Anh **Trần Văn N** yêu cầu Tòa án tuyên bố chị **Trần Thị D** mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi. Chị **Trần Thị D** đăng ký thường trú và cư trú tại **xóm T, xã G, tỉnh Ninh Bình**. Căn cứ vào khoản 4 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xác định đây là yêu cầu về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân khu vực 10 - Ninh Bình.

Anh **Trần Văn N**, bà **Nguyễn Thị T**; chị **Trần Thị N1**; chị **Trần Thị G** và anh **Trần Văn V** có đơn xin vắng mặt tại phiên họp nên Tòa án căn cứ vào Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành phiên họp vắng mặt anh **N**, bà **T**; chị **N1**; chị **G** và anh **V**.

[2]. Về yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự:

Căn cứ vào lời trình bày của người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu có trong hồ sơ xác định: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1948 và ông **Trần Văn V1**, sinh năm 1950 kết hôn vào năm 1970 (ông **V1** đã chết năm 2021). Bà **T** và ông **V1** sinh được 05 người con gồm: **Trần Văn N**, sinh năm 1970; **Trần Thị N1**, sinh năm 1967; **Trần Thị G**, sinh năm 1978; **Trần Thị D**, sinh năm 1982, và **Trần Văn V**, sinh năm 1984.

Chị **Trần Thị D**, sinh năm 1982; cư trú tại: **Xóm T, xã G, tỉnh Ninh Bình** chưa có chồng, con. Từ khi sinh ra cho đến năm 2000 sinh sống, sinh hoạt bình thường, có đi học, và không có biểu hiện gì. Đến khoảng cuối năm 2000 thì chị **Trần Thị D** bị ốm và đi điều trị tại viện tỉnh Nam Định, khi điều trị xong thì chị **Trần Thị D** về nhà sinh hoạt lại nói nhiều, hay chửi bới vô cớ mọi người, không tiếp xúc với bất cứ ai, chỉ ở trong nhà, và không kiểm soát được hành vi của mình, sau khi chị **D** có các biểu hiện khác thường, gia đình đã đưa chị **D** đến viện thần tỉnh Nam Định điều trị bệnh tâm thần từ năm 2023 cho đến nay. Hiện nay chị **Trần Thị D** đang được hưởng chế độ người khuyết tật tại địa phương. Gia đình bên nội và bên ngoại trong vòng ba đời của chị **Trần Thị D** không có ai bị mắc bệnh tâm thần kinh.

Ngày 13 tháng 5 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 10 – Ninh Bình ra quyết định trưng cầu **V2** giám định: Giám định sức khỏe, bệnh tật và khả năng nhận thức, làm chủ hành vi của chị **Trần Thị D** có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình không.

- Tại bản Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số: 163/KLGD ngày 19/6/2026 của Viện y tâm thần ương, kết luận:

+ Tại thời điểm giám định (hiện tại) đối tượng **Trần Thị D** bị bệnh: Tâm thần phân liệt thể Paranoid (giai đoạn bệnh thuyên giảm); theo phân loại bệnh Quốc tế

lần thứ 10 năm 1992 (ICD 10), có mã bệnh là: F20.0.

+ Tại thời điểm trên, đối tượng **Trần Thị D** có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Tại thời điểm đã nêu, chị **Trần Thị D** có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Do đó, yêu cầu của anh **Trần Văn N** đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 10 - Ninh Bình tuyên bố chị **Trần Thị D** có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 22 Bộ luật dân sự, Điều 376 và Điều 378 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về việc chỉ định người giám hộ:

Căn cứ vào Trích lục khai tử của UBND xã G xác định bố đẻ chị **Trần Thị D** là ông **Trần Văn V1** chết năm 2021. Chị **Trần Thị D** không có chồng, con. Chị **Trần Thị D** có mẹ đẻ là bà **Nguyễn Thị T**, và 04 anh, chị em là **Trần Văn N**, **Trần Thị N1**, **Trần Thị G** và **Trần Văn V**. Bà **T**, chị **N1**, chị **G** và anh **V** từ là người giám hộ và đề nghị anh **N** làm người giám hộ cho chị **Trần Thị D**. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 48, Điều 49, Điều 53, Điều 54 của Bộ luật dân sự năm 2015 Tòa án chỉ định anh **Trần Văn N** là người giám hộ cho chị **Trần Thị D**. Anh **Trần Văn N** có quyền và nghĩa vụ của người giám hộ đối với người được giám hộ có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định tại Điều 57, Điều 58 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4]. Về việc quản lý tài sản của người được giám hộ: Anh **Trần Văn N**, bà **Nguyễn Thị T**, chị **Trần Thị N1**, chị **Trần Thị G** và anh **Trần Văn V** không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 36; Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, anh **Trần Văn N** phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 23; điểm d khoản 1 Điều 47; Điều 48; Điều 49; Điều 51; Điều 54; Điều 57; Điều 58 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 149; Điều 367; Điều 376; Điều 377; Điều 378 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của anh **Trần Văn N**. Tuyên bố chị **Trần Thị D**, sinh ngày

10-10-1982; căn cước công dân số: 036182023191; cư trú tại: Xóm T, xã G, tỉnh Ninh Bình có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Chỉ định anh Trần Văn N, sinh ngày 01-10-1970; số căn cước công dân: 036070004361; cư trú tại: Xóm T, xã G, tỉnh Ninh Bình là người giám hộ cho chị Trần Thị D.

Anh Trần Văn N có quyền và nghĩa vụ của người giám hộ đối với người được giám hộ có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quy định tại Điều 57, Điều 58 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Trần Văn N phải nộp 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự. Đối trừ số tiền 300.000 đồng anh Trần Văn N đã nộp theo Biên lai nộp tiền tạm ứng số: 3426, ngày 06-5-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Anh Trần Văn N, bà Nguyễn Thị T, chị Trần Thị N1, chị Trần Thị G và anh Trần Văn V được quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Quyết định theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Ninh Bình có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 10 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Giao Hưng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Văn Bang